

Bản án số: **554/2026/DS-PT**

Ngày: **31 – 7 – 2026**

V/v: “*Tranh chấp về bồi thường thiệt
hại về tài sản ngoài hợp đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Nhân**

Bà **Võ Thị Thanh Phụng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hòa** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Ngọc Lan** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 496/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2026 về việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại về tài sản ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 572/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Sao Nhúc K**, sinh năm 1957.

Căn cước công dân số 024157008557 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021.

Ông **Lưu Văn S**, sinh năm 1956.

Căn cước công dân số 024056006248 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021.

Cùng địa chỉ: Thôn I, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn L, xã B, thành phố Đ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông S: Bà **Sao Nhúc K**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn I, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn L, xã B, thành phố Đ).

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2024)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà K: Ông **Đặng Thái H** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T3 thuộc Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (nay là Trung tâm T3 thành phố Đ).

Địa chỉ: Số B, đường T, phường B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, thành phố Đ).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1969.

Căn cước công dân số 030069014148 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021.

Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1969.

Căn cước công dân số 030169011899 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/7/2021.

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn L, xã B, thành phố Đ).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Lưu Văn N1**, sinh năm 1990.

Căn cước công dân số 070090010831 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/9/2022.

Địa chỉ: Thôn I, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn L, xã B, thành phố Đ).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Sao Nhúc K.

*(Bà K, ông H có mặt; Ông T, bà N, ông N1
có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

- Nguyên đơn bà Sao Nhúc K và ông Lưu Văn S trình bày:

Năm 2012, vợ chồng ông bà và vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị N có phát sinh tranh chấp với nhau về việc thanh toán trong quá trình 02 bên thực hiện giao dịch mua bán hạt điều. Trong thời gian tranh chấp, vợ chồng ông bà và ông T, bà N có ký kết 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 05/6/2012 và 14/6/2012, chuyển nhượng cho ông T bà N thửa đất diện tích 20.820m², tọa lạc tại: Thôn I, xã L, huyện P (sau này là xã L, huyện P và hiện nay là thôn L, xã B, tỉnh Đồng Nai), thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ số 1480/CQ.QSDĐ ngày 13/9/2002 cho hộ ông Lưu Văn S. Sau đó các bên xảy ra tranh chấp, ông bà đã khởi kiện ông T, bà N tại TAND tỉnh Bình Phước để giải quyết vụ án về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết vụ án, ngày 23/01/2024 ông T cùng 02 người khác (ông bà không biết họ tên, địa chỉ) tự ý đến vườn (thửa đất diện tích 20.820m²) chặt bỏ 01 cây mít, 03 cây sầu riêng. Sau đó vào khoảng 08 giờ ngày 23/02/2024, ông T, bà N cùng với em và con của ông T (ông bà không biết tên tuổi, địa chỉ) đến nhà ông bà (tọa lạc trên thửa đất diện tích 20.820m²) tự ý cắt 15m dây điện của gia đình đang sử dụng để sinh hoạt gia đình và kinh doanh. Tiếp theo vài ngày sau, ông T đốt vườn làm thiệt hại 13 hàng cao su (thời điểm đó là cao su trồng 12 năm, đang thu hoạch), với số lượng cây bị cháy khoảng 260 cây, nên làm giảm $\frac{1}{2}$ sản lượng thu hoạch mủ.

Sự việc xảy ra, bà K có đến trình báo cơ quan công an xã L lúc đó là ông Nguyễn Văn H1 – Phó trưởng Công an xã và ông Nguyễn Nho T1 – công an viên. Ngày 17/4/2023, vụ việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà với bị đơn ông T, bà N đã được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 200/2023/DS-PT ngày 17/4/2023 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, bản án công nhận tài sản tranh chấp, gồm: nhà, đất, cây trồng trên đất là tài sản của gia đình ông bà. Vì vậy, hành vi trước đó, của ông T, bà N về việc tự ý chặt cây, cắt dây điện, đốt cây cao su gây thiệt hại về tài sản cho vợ chồng ông bà.

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2023, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà N phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông bà thiệt hại về tài sản, gồm: 01 cây mít (*tại thời điểm bị thiệt hại là 27 năm tuổi*), trị giá tạm tính là 2.000.000 đồng; 03 cây sầu riêng (*tại thời điểm bị thiệt hại là 09 năm tuổi, đang thu hoạch*), trị giá tạm tính khoảng 12.000.000 đồng; thiệt hại về cao su số lượng 260 cây bị giảm sút $\frac{1}{2}$ sản lượng tương ứng với số tiền là 357.000.000 đồng (*thời gian bị mất thu hoạch 102 tháng X thiệt hại bị giảm sút mỗi tháng là 3.500.000 đồng*); 15m dây điện bị cắt, trị giá 3.000.000 đồng và thiệt hại do thu nhập kinh doanh hạt điều bị mất là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền mà ông bà yêu cầu ông T, bà N phải bồi thường thiệt hại là 404.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị N trình bày:

Vợ chồng ông bà với ông S, bà K không có quan hệ hàng mà chỉ là quen biết.

Vào ngày 05/6/2012, vợ chồng ông bà thỏa thuận nhận chuyển nhượng của ông S, bà K thửa đất có diện tích đất 20.820m², tọa lạc tại thôn I, xã L, huyện P (nay là huyện P) với giá 1.200.000.000 đồng, tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và có trồng một số loại cây cao su, cây tiêu, cây điều. Khi ký kết hợp đồng, thửa đất đã được cấp sổ đỏ đứng tên hộ ông S bà K. Vợ chồng ông bà thanh toán làm nhiều lần nên các bên thực tế là ký với nhau 04 hợp đồng chuyển nhượng, đến ngày 09/6/2012, thì vợ chồng ông bà đã thanh toán đủ cho ông S, bà K toàn bộ số tiền nhận chuyển nhượng thửa đất là 1.200.000.000 đồng, nên đến ngày 14/6/2012, các bên đến UBND xã L để ký kết hợp đồng chuyển nhượng chính

thức giữa 02 bên để làm thủ tục sang tên trong sổ đỏ. Trước đó, khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng ngày 05/6/2012, các bên thống nhất là vợ chồng ông bà đồng ý cho vợ chồng ông S, bà K ở nhờ và đồng ý cho thu hoa màu đến ngày 05/6/2013 sẽ trả lại nhà đất cho vợ chồng ông bà. Nhưng đến ngày 10/11/2013, khi vợ chồng ông bà đến để chuẩn bị nhận lại tài sản thì vợ chồng bà K, ông S nói chưa nhận tiền bán nhà bán vườn nên không đồng ý giao trả lại thửa đất và tài sản gắn liền trên đất. Do diện tích phần đất 20.820m² nằm trong cùng 01 GCNQSDĐ nhưng do sổ cấp thành 02 thửa độc lập nên đến ngày 21/11/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp sang tên GCNQSDĐ cho vợ chồng ông bà theo GCNQSDĐ số CS.01278/C.DOI với diện tích 7.935m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ CS.01279/C.DOI với diện tích 13.722,3m².

Kể từ cuối năm 2013 trở đi, vợ chồng ông bà đã nhiều lần đến nhà để yêu cầu vợ chồng ông S, bà K trả lại nhà và vườn nhưng ông S, bà K vẫn cố tình không bàn giao lại. Sau đó, ông bà đã gửi đơn ra UBND xã L để yêu cầu giải quyết nhưng ông S, bà K vẫn không đồng ý giao lại tài sản nên ông bà đã làm đơn tố cáo ra cơ quan Công an huyện P, thời gian khoảng cuối năm 2013 đầu năm 2014. Khi chưa có kết quả giải quyết đơn tố cáo của ông bà, ông S, bà K đã nộp đơn khởi kiện tại TAND huyện Phú Riềng, sau đó đơn kiện được chuyển lên TAND tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết. Hiện nay vụ việc tranh chấp nói trên đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của TAND tỉnh Bình Phước và Bản án dân sự phúc thẩm số 200/2023/DS-PT ngày 17/4/2023 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó bản án có hiệu lực đã quyết định: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký kết ngày 05/6/2012 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/6/2012, lý do hợp đồng vi phạm vì không đủ các thành viên của hộ gia đình bà K ông S ký kết. Trong đó, buộc ông S bà K phải trả lại cho vợ chồng ông bà số tiền là 1.885.000.000 đồng, gồm tiền hoàn trả là 1.200.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 685.000.000 đồng và hủy các GCNQSDĐ đã sang tên cho ông bà.

Nay ông S, bà K khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà bồi thường thiệt hại về tài sản gồm: 01 cây mít, trị giá 2.000.000 đồng; 03 cây sầu riêng, trị giá 12.000.000 đồng; 13 hàng cây cao su với số lượng 260 cây (bị đốt) làm giảm sút ½ sản lượng thu hoạch trong thời gian 102 tháng, mỗi tháng thiệt hại 3.500.000 đồng, trị giá thiệt hại 357.000.000 đồng; 15m dây điện bị cắt không nối lại được, giá trị thiệt hại 3.000.000 đồng; thiệt hại mất thu nhập kinh doanh hạt điều từ việc cắt điện nên không sản xuất được là 30.000.000 đồng, thì ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S, bà K vì lý do:

- Việc bà K ông S cho rằng vợ chồng ông bà đã cắt 01 cây mít và 03 cây sầu riêng. Sự việc này là do ông S bà K vu khống.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với 13 hàng cây cao su với số lượng 260 cây (bị đốt) làm giảm sút $\frac{1}{2}$ sản lượng thu hoạch trong thời gian 102 tháng, mỗi tháng thiệt hại 3.500.000 đồng, trị giá thiệt hại 357.000.000 đồng mà vợ chồng ông S bà K cho rằng vợ chồng ông bà đốt gây ra thiệt hại là hoàn toàn không có. Thời gian cuối năm 2013, khi đến thời gian trả lại vườn ông T bà N có vào để dọn vườn, chống cháy cao su, dọn tĩa vườn điều để chuẩn bị thu hoạch, thì ông T có vào quạt gom lá cao su vào giữa luồng chống cháy và có đốt để chống cháy. Tuy nhiên, khi dọn được khoảng diện tích 07 sào thì có một số công an xã đến nói chuyện về việc gia đình bà K ông S trình báo đất đang tranh chấp nên vận động gia đình ông bà tạm ngừng việc dọn chống cháy lại và hoàn toàn không có sự việc cháy vườn gì xảy ra. Hoàn toàn không có sự việc đốt cháy cây cao su gây thiệt hại như trình bày của bà K ông S. Hơn nữa vì vợ chồng ông bà đã bỏ ra số tiền rất lớn là 1.200.000.000 đồng (tại thời điểm 2012) với mục đích mua vườn để canh tác, thu hoạch làm kinh tế thì lý do gì mà vợ chồng ông bà lại tự gây thiệt hại cho tài sản của mình bỏ tiền ra mua.

- Đối với việc cắt 15m dây điện trong đường dây điện dẫn vào nhà bà K ông S, gây thiệt hại số tiền 3.000.000 đồng; thiệt hại mất thu nhập kinh doanh hạt điều từ việc cắt điện nên không sản xuất được số tiền là 30.000.000 đồng mà bà K ông S khởi kiện: Vợ chồng ông bà xác định hoàn toàn không có sự việc cắt dây điện như trình bày bà K ông S, là do ông S bà K vu khống. Còn nếu có sự việc bị đứt hay bị cắt đường dây điện như ông S bà K thì ai là người cắt thì ông S bà K chứng minh việc đó cho cơ quan chức năng.

Ngoài ra trước đây trong quá trình Tòa án 02 cấp thụ lý, giải quyết đối với vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSDĐ, thì ông S, bà K hoàn toàn không có đề cập, ý kiến hay yêu cầu gì đối với nội dung khởi kiện hiện nay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn N1 trình bày:

Ông là con ruột của ông S bà K, ông lập gia đình và sinh sống tại huyện C, tỉnh Cà Mau từ năm 2015 đến nay.

Năm 2012, ông có nghe gia đình bố mẹ nói về việc có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 20.820m², tại Thôn I, xã L với vợ chồng ông T, bà N, hiện nay sự việc trên đã được Tòa án giải quyết, bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Năm 2014, ông nghe bố mẹ là ông S, bà K nói việc gia đình bị cắt dây điện và đốt cây cao su, sau đó tôi có về và biết thiệt hại về tài sản: dây điện bị cắt khoảng 15m, bị chặt 01 cây mít, 03 cây sầu riêng và bị cháy khoảng 260 cây cao su. Ông không biết sự việc trên, không biết ai gây ra sự việc do khi đó ông đang sinh sống tại tỉnh Cà Mau, chỉ nghe bố là ông S nói lại là có người chứng kiến ông T, bà N

và em trai bà N là người trực tiếp gây ra thiệt hại còn nguyên nhân sự việc thì ông không rõ.

Do ông chỉ về nhà thăm bố mẹ vài hôm rồi về lại tỉnh Cà Mau. Ngoài ra ông không chứng kiến hay không biết sự việc gì khác. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông S, bà K, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do đó ông đề nghị được vắng mặt suốt toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

2. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sao N2 Kéo ông Lưu Văn S về việc: Buộc bị đơn ông T, bà N phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông S bà K với tổng số tiền là 410.959.000 đồng (*bốn trăm mười triệu chín trăm năm mươi chín nghìn*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

3. Kháng cáo của nguyên đơn bà K:

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, nguyên đơn bà Sao N2 Kéo kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai theo hướng buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị N bồi thường thiệt hại gây ra cho gia đình, cụ thể:

- 01 (một) cây mít thu hoạch khoảng 27 năm tuổi giá trị khoảng 2.000.000đ (*hai triệu đồng*).

- 03 (ba) cây sầu riêng khoảng 09 năm tuổi đang cho thu hoạch giá trị khoảng 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*).

- 13 (mười ba) hàng cao su trồng 12 năm đang cho thu hoạch là 260 cây thu hoạch hàng tháng, thời điểm đó là 7.000.000 đồng/tháng do bị mất đi $\frac{1}{2}$ lượng mủ thu hoạch cho đến nay là thời gian 102 tháng x 3.500.000 đồng = 357.000.000đ (*ba trăm năm mươi bảy triệu đồng*).

- 15m dây điện bị cắt nát không thể nối lại trong khoảng 500m, số tiền khoảng 3.000.000đ (*ba triệu đồng*).

- Thiệt hại thu nhập kinh doanh hạt điều, số tiền khoảng 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

4. Quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà K của Trợ giúp viên pháp lý:

Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ. Đề nghị cấp phúc thẩm triệu tập người làm chứng là bà M, bà N3 và Công an viên ông T2 để làm rõ sự việc. Do thời điểm xảy ra sự việc đã lâu, từ năm 2012 – 2014 nên bà S không có phương tiện để ghi lại hình ảnh sự việc xảy ra, lực lượng công an xã thời điểm đó cũng chưa được chính quy, tinh nhuệ như hiện nay nên các thủ tục tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc chưa được đảm bảo đúng quy định như hiện nay.

5. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sao Nhức K1, ông Lưu Văn S về việc buộc ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị N phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 404.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Sao Nhức K; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 57/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[1.2] Về thủ tục kháng cáo:

Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đơn kháng cáo của bà Sao N2 Kéo làm trong hạn luật định, đương sự thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của nguyên đơn bà K:

Giữa vợ chồng ông Lưu Văn S, bà Sao Nhích K1 và vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị N xảy ra tranh chấp về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tranh chấp trên được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của TAND tỉnh Bình Phước và Bản án dân sự phúc thẩm số 200/2023/DS-PT ngày 17/4/2023 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, bản án phúc thẩm số 200/2023/DS-PT ngày 17/4/2023 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký kết ngày 05/6/2012 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/6/2012, giữa các bên; buộc ông S, bà K1 phải trả lại cho vợ chồng ông T, bà N số tiền 1.885.000.000 đồng, gồm tiền hoàn trả là 1.200.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 685.000.000 đồng, đồng thời hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T bà N.

Nguyên đơn, bà K1, ông S cho rằng tại thời điểm năm 2012, trong khi chờ Tòa án giải quyết tranh chấp thì ông T, bà N đến tự ý chặt bỏ 01 cây mít, 3 cây sầu riêng và vào khoảng 08 giờ ngày 23/01/2014 ông T, bà N, người em và con của ông T tự ý cắt nát 15m dây điện của gia đình tự đầu tư cho kinh doanh sản xuất điều làm thiệt hại:

- 01 cây mít đang thu hoạch khoảng 27 năm tuổi giá trị khoảng 2.000.000 đồng.
- 03 cây sầu riêng khoảng 9 năm tuổi đang cho thu hoạch (03 cây giá trị khoảng 12.000.000 đồng.
- 13 hàng cao su trồng 12 năm đang cho thu hoạch là 260 cây thu hoạch hàng tháng thời điểm đó là 7.000,000 đồng/tháng (do bị mất đi $\frac{1}{2}$ lượng mùa thu hoạch từ đó cho đến nay là 102 tháng x 3.500.000 đồng = 357.000.000 đồng.
- 15m dây điện bị cắt nát không thể nối lại trong khoảng 500m, số tiền khoảng 3.000.000 đồng.
- Thiệt hại thu nhập kinh doanh hạt điều, số tiền khoảng 30.000.000 đồng.
- Tổng thiệt hại: 404.000.000 đồng.

Bị đơn ông T và bà N cho rằng ông bà không chặt cây, cắt dây điện của nguyên đơn nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc bà K1 cho rằng ông T, bà N chặt bỏ 01 cây mít, 3 cây sầu riêng và ông T bà N đốt vườn làm thiệt hại 13 hàng cao su trồng 12 năm đang cho thu hoạch là

260 cây thu hoạch hàng tháng thời điểm đó là 7.000,000 đồng/tháng (do bị mất đi $\frac{1}{2}$ lượng mù thu hoạch từ đó cho đến nay là 102 tháng x 3.500.000 đồng = 357.000.000 đồng nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ xác định ai là người gây ra thiệt hại. Sự việc xảy ra từ năm 2014 đến nay bà K1 mới có yêu cầu bồi thường, các tài sản bị thiệt hại đều không còn, đồng thời vụ việc không có kết luận, trả lời của cơ quan có thẩm quyền về thiệt hại như thế nào.

Trong suốt trình Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án tranh chấp liên quan đến thửa đất 20.820m² và tài sản trên đất nhưng bà K1 ông S, kể cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác hoàn toàn không có yêu cầu, ý kiến hay đề cập gì đến việc có hành vi gây thiệt hại về tài sản của các bị đơn. Lời khai của các bị đơn xác định, quá trình giải quyết vụ án từ khi các bên xảy ra tranh chấp từ cuối năm 2013 đầu năm 2014 cho đến khi Tòa án thụ lý vụ án từ ngày 26/3/2015 đến ngày giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật thì bà K1, ông S hoàn toàn không có yêu cầu hay ý kiến hay trình bày về nội dung cắt cây hay đốt cháy cao su như bà K1 khởi kiện. Do đó, việc nguyên đơn cho rằng ông T, bà N là người gây ra thiệt hại trên nên yêu cầu bồi thường 01 cây mít, 03 cây sầu riêng, thiệt hại chất lượng thu hoạch mù cao su của bà K1 là không có căn cứ.

Đối với sự việc cắt 15m dây điện vào ngày 23/01/2014, căn cứ kết quả xác minh tại Cơ quan Công an xã L (hiện là xã B sau sáp nhập) ông Nguyễn Thế H2 tại thời điểm ngày 23/01/2014 là Phó Trưởng công an xã L cung cấp thông tin có nhận được tin báo của gia đình bà K1, ông S báo về việc bị cắt dây điện nên có phân công và trực tiếp xuống hiện trường thì xác định có việc dây điện bị chặt vị trí gần bờ ao, mà không phải mục đích chiếm đoạt mà là ngắt nguồn điện, gia đình bà kéo có nói chuyện về việc tranh chấp với gia đình ông T bà N và có nghi ngờ là người nhà ông T, bà N nhưng không có chứng cứ gì nên Công an xã không lập biên bản hiện trường nên sau đó cũng không làm việc với bất kỳ ai liên quan đến vụ việc này vì vậy không có thông báo hay kết luận của công an xã về vụ việc trên. Cùng ngày điện lực Phú R vào nối lại chỗ bị cắt để gia đình bà K1 sử dụng sinh hoạt bình thường. Ngoài ra, ông H2 cũng cung cấp thêm thông tin: Thời điểm này, gia đình bà K1 đã bị vỡ nợ nên khi đó gia đình chỉ ở và sinh hoạt bình thường chứ không còn có bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nào nữa. Ngoài ra tại Báo cáo giải quyết đơn kiến nghị bà K1 của Công an xã L ngày 13/6/2023 giải quyết đơn kiến nghị của bà K1 không xác định được đối tượng cắt dây điện. Do đó việc bà K1, ông S khởi kiện yêu cầu buộc ông T bà N bồi thường cho thiệt hại về hành vi cắt dây điện cùng với bồi thường thiệt từ việc dây điện bị cắt thiệt hại đến hoạt động xây, chẻ hạt điều với số tiền 30.000.000 đồng là không có căn cứ.

Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tuyên “Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sao N2 Kéo ông Lưu Văn S về việc: Buộc bị đơn ông T, bà N phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông S bà K1 với tổng số tiền là 410.959.000 đồng (*bốn trăm mười triệu chín trăm năm mươi chín nghìn*)” là có sự nhầm lẫn về số tiền. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cho chính xác, xác định số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường là 404.000.000 đồng (*bốn trăm linh bốn triệu đồng*).

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị cần triệu tập thêm người làm chứng là bà M, bà N3 và Công an viên ông T2 để làm rõ sự việc là không cần thiết nên không được chấp nhận. Nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sao N2 Kéo ông Lưu Văn S không được chấp nhận phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do nguyên đơn bà K1 ông S là người cao tuổi có đơn xin miễn, giảm tiền tạm ứng án phí và án phí. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn toàn bộ án phí cho các nguyên đơn ông S bà K1.

Bị đơn ông T bà N không phải chịu tiền án phí.

[3.2] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo của nguyên đơn bà Sao N2 Kéo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà K1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà K1.

[4] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*). Nguyên đơn bà K1 đã nộp 3.000.000đ tiền tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của bà K1 ông S không được chấp nhận nên bà K1 không phải chịu.

[5] Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà K1 không phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Sao Nhúc K; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sao Nhúc K, ông Lưu Văn S về việc buộc bị đơn ông T, bà N phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông S bà K với tổng số tiền là 404.000.000 đồng (*bốn trăm linh bốn triệu đồng*).

2. Về án phí:

Các nguyên đơn ông S, bà K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Sao Nhúc K, ông Lưu Văn S là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*). Nguyên đơn đã nộp xong.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đồng Nai;
- TAND khu vực 11 – Đồng Nai (2);
- Phòng THADS KV 11 – Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Lan Hương

